

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1008/UBND-VHXH

Trung Mỹ Tây, ngày 19 tháng 9 năm 2025

V/v hướng dẫn thu, sử dụng học phí
và các khoản thu khác; thực hiện
chế độ miễn, giảm, hỗ trợ chi phí
học tập năm học 2025 - 2026
tại các trường công lập.

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường công lập

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1685/NQUBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính phường, xã, đặc khu của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025 - 2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC),

Ủy ban nhân dân phường hướng dẫn khung mức thu học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025 - 2026 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn phường như sau:

I. Về thu học phí

Tạm thời **không** triển khai thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông).

II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND và các khoản thu dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

1. Đối với Trường Trung học cơ sở (theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Đối với Trường Tiểu học (theo Phụ lục 2 đính kèm)

3. Đối với Trường Mầm non (theo Phụ lục 3 đính kèm)

III. Cơ chế quản lý và sử dụng các nguồn thu

- Mức thu tại văn bản này là mức thu tối đa. Tùy tình hình thực tế của trường và nhu cầu của học sinh, các trường thống nhất với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể **nhưng không được cao hơn 15% so với năm học 2024 - 2025**.

- Trên cơ sở danh mục các khoản thu được quy định, các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm cơ sở cho việc tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học và các quy định hiện hành.

- Không được thay đổi tên và phát sinh bất kỳ nội dung thu nào ngoài các danh mục được quy định tại Công văn này.

- Về Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu dịch vụ khác (không bao gồm học phí): phải xây dựng Dự toán trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

- Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm.

- Thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. Đối với các khoản huy động tài trợ và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Tiếp tục thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17/4/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; Công văn số 764/SGDĐT-KHTC ngày 29/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

- Về thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: thực hiện theo Điều 15 của Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

V. Về công tác hạch toán và thực hiện nghĩa vụ thuế

1. Về hạch toán kế toán

Thực hiện theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

2. Về thực hiện nghĩa vụ thuế

Thực hiện kê khai, nộp thuế đối với khoản thu từ học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu dịch vụ khác theo đúng quy định của pháp luật thuế.

VI. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập

Từ năm học 2025 - 2026, các trường thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025 - 2026 tại các trường công lập. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung vướng mắc cần trao đổi, đề nghị thông tin Ủy ban nhân dân phường (thông qua phòng Văn hóa - Xã hội) để được hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND phường (CT, các PCT);
- Phòng VHXXH;
- Phòng KTHTĐT;
- VP HĐND và UBND;
- Lưu: VT, VHXXH. (Chính).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Lâm

PHỤ LỤC 1

CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2025/NQ-HĐND VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ KHÁC
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

(Đối với Trường Trung học cơ sở)

(Kèm theo Công văn số: 1008 /UBND-VHXH ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây)

STT	Nội dung	Mức thu theo NQ số 18/2025/NQ-HĐND (Đồng)	Mức thu năm học 2025 - 2026 (Đồng)	Ghi chú
1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND				
1	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường) (đồng/học sinh/năm)	50.000	28.000	khoản 5, Phụ lục (PL) 1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
2	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê) (đồng/học sinh/tháng)	95.000	60.000	khoản 6.2, PL1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số	110.000	79.000	khoản 7, PL1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
4	- K12 Gói phần mềm Trường học số (đồng/học sinh/tháng)		55.000	
5	- Số liên lạc điện tử và điểm danh thông minh (Enetviet) (đồng/học sinh/tháng)		24.000	

STT	Nội dung	Mức thu theo NQ số 18/2025/NQ-HĐND (Đồng)	Mức thu năm học 2025 - 2026 (Đồng)	Ghi chú
2. Các khoản thu dịch vụ khác tổ chức chương trình nhà trường				
6	Tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030" (đồng/học sinh/tháng)	/	170.000	khoản 1.2, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
7	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (đồng/học sinh/tháng)	/	180.000	khoản 2.2, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
8	Tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (đồng/học sinh/tháng)	/	500.000	khoản 2.4, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
9	Tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/học sinh/tháng)	/	70.000	khoản 6, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
10	Tổ chức Giáo dục STEM (đồng/học sinh/tháng)	/	90.000	khoản 7.1, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
3. Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh				
11	Học phẩm (đồng/học sinh/năm học)	/	50.000	khoản 13.1, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC

STT	Nội dung	Mức thu theo NQ số 18/2025/NQ-HĐND (Đồng)	Mức thu năm học 2025 - 2026 (Đồng)	Ghi chú
12	Tiền nước uống (đồng/học sinh/tháng)	/	10.000	khoản 14.3, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
4. Các khoản thu hộ khác				
13	Bảo hiểm y tế học sinh (đồng/học sinh/tháng)	/	631.800	khoản 2, mục I Hướng dẫn liên tịch số 1332/HĐLS/BHXH-GDDT



PHỤ LỤC 2
CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2025/NQ-HĐND VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ KHÁC
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
(Đối với Trường Tiểu học)

(Kèm theo Công văn số: **1608** /UBND-VHXXH ngày **19/9/2025** của Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây)

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu năm học 2025 - 2026	Ghi chú
1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục				
1	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	30.000	Sử dụng EnetViet, hệ thống học trực tuyến
2	Dịch vụ Khám sức khỏe học sinh ban đầu (Bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm học	34.000	
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh (lớp chưa có máy lạnh phải đi thuê)	đồng/học sinh/tháng	55.000	Đối với lớp có 100% phụ huynh đồng thuận
2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác của chương trình nhà trường				
4	Tổ chức dạy Tăng cường môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	đồng/học sinh/tháng	50.000	Dạy Tiếng Anh cho lớp 1, 2
5	Tổ chức dạy Kỹ năng công dân số	đồng/học sinh/tháng	90.000	
6	Tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	69.000	
7	Tổ chức dạy câu lạc bộ (CLB) Toán tư duy, CLB võ, CLB âm nhạc...	đồng/học sinh/tháng/CLB	100.000	

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu năm học 2025 - 2026	Ghi chú
8	Tổ chức Giáo dục STEM	đồng/học sinh/tháng	90.000	
9	Tổ chức học bơi	đồng/học sinh/tháng	120.000	
10	Tổ chức học Ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	đồng/học sinh/tháng	550.000	
11	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	200.000	
12	Tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế, giai đoạn 2021 - 2023	đồng/học sinh/tháng	150.000	
3. Các khoản thu tổ chức dịch vụ khác cho cá nhân học sinh				
13	Tiền học phẩm	đồng/học sinh/năm học	50.000	
14	Tiền nước uống (dành cho các lớp 1 buổi/ngày)	đồng/học sinh/tháng	11.500	

PHỤ LỤC 3
CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/2025/NQ-HĐND VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ KHÁC
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
(ĐỐI VỚI TRƯỜNG MẦM NON)

(Kèm theo Công văn số: **1008** /UBND-VHXXH ngày **19/9/2025** của Ủy ban nhân dân phường Trưng Mỹ Tây)

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND

STT	Nội dung	Mức thu theo NQ số 18/2025/NQ-HĐND (Đồng)	Mức thu năm học 2025 - 2026 (Đồng)	Ghi chú
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý bán trú và vệ sinh bán trú (đồng/học sinh/tháng)	550.000	405.000	Khoản 1, Phụ lục (PL) 1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng (đồng/học sinh/tháng)	220.000	115.000	khoản 2, PL1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
3	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trong giờ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn) (đồng/học sinh/ngày)	128.000	44.000	khoản 4, PL1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
4	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (không bao gồm khám nha học đường) (đồng/học sinh/năm học)	70.000	30.000	khoản 5, PL1 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC

5	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh phải đi thuê) (đồng/học sinh/tháng)	110.000	70.000	khoản 6.2, PL1 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
---	---	---------	--------	---

2. Các khoản thu dịch vụ khác

STT	Nội dung	Mức thu theo NQ số 18/2025/NQ-HĐND (Đồng)	Mức thu năm học 2024 - 2025 (Đồng)	Mức thu năm học 2025 - 2026 (Đồng)	Ghi chú
* Các khoản thu dịch vụ khác					
1	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm bổ trợ (đồng/học sinh/tháng)	/	90.000	100.000	khoản 2.3, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
2	Tiền tổ chức lớp năng khiếu nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (đồng/học sinh/tháng)	/	90.000	100.000	khoản 5, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
3	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/học sinh/tháng)	/	70.000	80.000	khoản 6, mục I, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
4	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú (đồng/học sinh/năm học)	/	260.000	295.000	khoản 11, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC
5	Học phẩm (đồng/học sinh/năm học)	/	50.000	55.000	khoản 13.1, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC



STT	Nội dung	Mức thu theo NQ số 18/2025/NQ-HDND (Đồng)	Mức thu năm học 2024 - 2025 (Đồng)	Mức thu năm học 2025 - 2026 (Đồng)	Ghi chú
6	Học cụ, học liệu (đồng/học sinh/năm học)	/	Nhà trẻ: 320.000 Mẫu giáo: 390.000	Nhà trẻ: 365.000 Mẫu giáo: 445.000	Khoản 13.2, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
7	Tiền ăn suất ăn bán trú (đồng/học sinh/ngày)	/	Nhà trẻ: 33.000 Mẫu giáo: 35.000	Nhà trẻ: 35.000 Mẫu giáo: 38.000	Khoản 14.1, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
8	Tiền ăn suất ăn sáng (đồng/học sinh/ngày)	/	19.000	21.000	Khoản 14.2, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC
9	Tiền nước uống (đồng/học sinh/tháng)	/	17.000	17.000	Khoản 14.3, mục II, PL2 Công văn số 1888/SGDDT-KHTC